

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/ 2019

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNST ngày 26 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 330 Lê D, khu vực Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.
(Chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Văn C tổ chức cưới hỏi vào tháng 6/1997, trước khi cưới có tìm hiểu vài tháng rồi tự nguyện chung sống, không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh C, thời gian đầu cuộc sống bình thường, đến năm 2016 thì xảy ra xung đột, nguyên nhân anh C đi lái xe, ít quan tâm đến gia đình, thường uống rượu bia, có vài lần đánh đập chị, còn nghi ngờ chị ngoại tình, anh chị thường lời qua tiếng lại vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày, không ai nhường nhịn ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị (Trần Thị T) với anh Đặng Văn C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh C có 03 người con chung tên Đặng Thị Bích Th, sinh ngày 01/01/1999, tên Đặng Thị Bích Nh, sinh ngày 03/5/2004 và tên Đặng Thị Ng, sinh ngày 25/5/2006. Ly hôn, chị và anh C đã thỏa thuận giao cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Ng đến tuổi trưởng thành, chị sẽ tự

nguyên cấp dưỡng nuôi cháu Nh và cháu Ng với mức cấp dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn cháu Th đã đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2019 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Đặng Văn C trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về thời điểm chung sống, điều kiện kết hôn, anh chị không có giấy đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do T thay đổi tính tình, ham chơi huê hụi, nhiều lúc ăn nói thiếu tế nhị với chồng, anh nghe dư luận T ngoại tình nên cũng bức tức, anh và T không sống chung từ tháng 7/2018 đến nay. Hiện anh không còn tình cảm với T nên yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh (Đặng Văn C) và chị Trần Thị T .

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Đặng Thị Bích Th , sinh ngày 01/01/1999; tên Đặng Thị Bích Nh , sinh ngày 03/5/2004 và tên Đặng Thị Ng , sinh ngày 25/5/2006, hiện cháu Nh và cháu Ng đang ở với anh còn cháu Th đã đủ tuổi trưởng thành. Ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 người con là cháu Nh và cháu Ng và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con 500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành của các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Đặng Thị Bích Nh , sinh ngày 03/5/2004 và tên Đặng Thị Ng , sinh ngày 25/5/2006 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng cho mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng , người con lớn tên Đặng Thị Bích Th , sinh ngày 01/01/1999 đã trưởng thành nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Quan hệ pháp luật mà chị T yêu cầu Tòa giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Đặng Văn C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C .

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ cuối năm 1997, mặc dù anh chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng do không am hiểu pháp luật, không tiến hành làm đầy đủ thủ tục việc đăng ký mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình “ *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định....*” Quy định trên đã không được anh chị tuân thủ, chấp hành. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” . Trong quá trình sống chung lại phát sinh mâu thuẫn, từ giữa năm 2018 đến nay anh chị không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện giữa anh chị không còn tình cảm với nhau và đều có yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] *Xét về việc nuôi con chung*: Chị T và anh C có 03 người con chung tên Đặng Thị Bích Th , sinh ngày 01/01/1999; tên Đặng Thị Bích Nh , sinh ngày 03/5/2004 và tên Đặng Thị Ng , sinh ngày 25/5/2006, hiện cháu Nh và cháu Ng đang ở với anh C còn cháu Th đã đủ tuổi trưởng thành, anh chị đều thống nhất giao cháu Nh và cháu Ng cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh và cháu Ng , thỏa mãn với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[2.2.2] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Qua xem xét về việc giao con như trên, mức thu nhập của anh chị và mức chi phí sinh hoạt của các con ở thời điểm hiện nay và trách nhiệm của chị T đối với các con chung, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Chị T sẽ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, cháu Nh và cháu Ng phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), mức cấp dưỡng trên là phù hợp được quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình, còn cháu Th đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ : Chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Đặng Thị Bích Nh, sinh ngày 03/5/2004 và tên Đặng Thị Ng, sinh ngày 25/5/2006 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nh và cháu Ng, mức cấp dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đặng Thị Bích Th, sinh ngày 01/01/1999 đã trưởng thành, không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa sẽ giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004587 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Đặng Văn C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh